TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày 14-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học.

2. Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú tại: Ấp S, xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Quốc Th, sinh năm 1966 (có mặt); Địa chỉ cư trú tại 233/1 Nguyễn Du, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau, là đại diện theo ủy quyền "văn bản uỷ quyền ngày 06 tháng 11 năm 2017".

2. *Bị đơn*: Ông Mã Tấn B, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú tại: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Phạm Huy KL, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ cư trú tại: Ấp S, xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quốc Th trình bày:*

Ông Mã Tấn B có vay tiền bà Trần Ngọc H số tiền 88.760.000 đồng với lãi suất 1,2%/tháng, nếu đóng lãi trễ thì phạt 0,5% nghĩa là 1,7%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, đến ngày 26 tháng 7 năm 2016 là hoàn vốn gốc, có biên bản thỏa thuận nợ đề ngày 26/7/2015.

Từ khi vay tiền đến nay bà H đã nhiều lần yêu cầu ông B thực hiện đúng thỏa thuận nhưng ông B hứa hẹn nhiều lần vẫn không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và hoàn vốn đúng thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông B thanh toán tiền vốn vay là 88.760.000 đồng và lãi suất kể từ ngày ghi biên bản thỏa thuận cho đến ngày xét xử, theo mức lãi suất nhà nước quy định.

Tiền vay này xuất phát từ tiền mua bán còn nợ không thanh toán được, sau khi chốt nợ đôi bên thỏa thuận lập giấy vay nợ và ông B sẽ đóng lãi hàng tháng cho bà H, giấy nợ do ông B ký nhận giao cho bà H.

** Tại văn bản trình bày ý kiến và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Mã Tấn B trình bày:*

Vào khoảng đầu năm 2014 ông B có hợp đồng với anh Phạm Huy KL (con trai của bà H) cung cấp thức ăn và thuốc dùng cho nuôi tôm công nghiệp, theo thỏa thuận ông B làm đại lý cấp hai cho anh KL, tiền thanh toán theo từng giai đoạn, qua thời gian 5 – 6 tháng ông B đã nhận thức ăn và thuốc của anh KL với số lượng hàng quy ra tiền gần 300.000.000 đồng, ông B đã thanh toán từng đợt và còn nợ lại 88.760.000 đồng. Đồng thời, anh KL nói cửa hàng này là của bà H mẹ anh KL, giữa bà H và ông B thỏa thuận chuyển qua tiền vay, biên bản vay nợ ngày 26/7/2015 là do ông B tự viết giao cho bà H. Trên thực tế là tiền mua bán thức ăn tôm và thuốc nuôi tôm công nghiệp giữa ông B với anh KL. Từ khi viết giấy nợ có đóng lãi được hai tháng bằng 2.500.000 đồng. Do phía anh KL bán thức ăn tôm không đảm bảo chất lượng, bị quá hạn sử dụng, khi ông B bán cho người dân nuôi tôm không mang lại hiệu quả, làm tôm chết nên họ không thanh toán tiền cho ông B, vì vậy ông B không có khả năng thanh toán nợ cho anh KL. Nay ông B đồng ý thanh toán số tiền còn nợ cho bà H là 88.760.000 đồng, về lãi suất thì không đồng ý thanh toán.

** Tại bản tự khai ngày 19/12/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Phạm Huy KL trình bày:*

Anh KL là người đứng kỹ thuật cho cơ sở bán thức ăn tôm của bà Trần Ngọc H (mẹ anh KL), vào giữa năm 2014 ông B có đến cơ sở bà H gặp anh KL, ông B xin mua nợ hàng về giao lại cho khách hàng của ông B. Sau quá trình mua bán khoảng 03 tháng ông B không thanh toán tiền cho bà H như cam kết nên bà H đã chấm dứt bán hàng cho ông B, số tiền vay này là chốt nợ tiền mua bán hàng hóa mà ông B còn nợ của cơ sở thức ăn tôm do bà H làm chủ nên đôi bên có thống nhất làm biên bản vay nợ ngày

26/7/2015 có sự chứng kiến của anh KL. Từ khi ký biên bản vay nợ ngày 26/7/2015 đến nay ông B không thực hiện việc trả nợ cho bà H như cam kết nên bà H khởi kiện ông B, anh KL thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa:

- Ông Th đại diện theo ủy quyền của bà H xác nhận, tiền ông B nợ là tiền mua bán thức ăn là đúng, nhưng giữa ông B và bà H chốt nợ và thỏa thuận chuyển thành tiền vay và có lãi, đã qua có trả lãi được 2.500.000 đồng; yêu cầu ông B trả cho bà H gốc là 88.760.000 đồng và trả lãi từ khi ghi giấy thỏa thuận vay cho đến nay, lãi suất theo quy định pháp luật, trừ 2.500.000 đồng ông B trả lãi cho bà H.

- Ông B, anh KL vắng mặt nên không có ý kiến.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm*:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Số tiền ông B nợ xuất phát từ tiền mua bán, nhưng hai bên đã chốt nợ chuyển qua vay và ông B cũng có đóng 02 tháng lãi; đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông B có nghĩa vụ thanh toán cho bà H nợ gốc 88.760.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật được trừ 2.500.000 đồng lãi đã trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

- Ông Mã Tấn B được triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Mã Tấn B.

- Anh Phạm Huy KL là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn gửi Tòa án đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Ngọc H khởi kiện ông Mã Tấn B về tranh chấp tiền vay, ông B cho rằng đây là tiền trong hợp đồng mua bán, sau đó ông không có tiền thanh toán nên mới thỏa thuận chuyển qua nợ vay, lãi suất thỏa thuận trả hàng tháng, biên bản thỏa thuận vay nợ là do ông ký xác nhận nợ vay với bà H. Do các đương sự đã tự chốt nợ, chuyển từ tiền nợ trong mua bán sang thành tiền vay và được đôi bên thừa nhận nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

[2] *Áp dụng pháp luật*: Tòa án thụ lý ngày 20 tháng 11 năm 2017 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn*:

Việc ông B thiếu tiền bà H 88.760.000 đồng được đôi bên thừa nhận là thực tế có xảy ra.

Do phía ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và đóng lãi cho bà H, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H nên bà H làm đơn khởi kiện, có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà H yêu cầu ông B thanh toán tiền vay còn nợ 88.760.000 đồng, ông B thừa nhận có nợ tiền bà H 88.760.000 đồng, nhưng cho rằng đây là tiền mua bán thức ăn còn nợ chứ không có vay. Thấy rằng, xuất phát từ việc mua bán giữa ông B với bà H, phía ông B còn nợ bà H tiền, sau khi chấm dứt không mua bán với nhau đôi bên chốt nợ tổng số tiền là 88.760.000 đồng và thoả thuận chuyển qua thành nợ vay, việc thỏa thuận này phù hợp với biên bản vay nợ ngày 26/7/2015 (bút lục số 16).

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án thể hiện lời trình bày của ông B: *Có mua bán với bà H, sau khi chốt nợ không có tiền thanh toán cho bà H phía ông B và bà H có thỏa thuận chuyển khoản nợ mua bán thành khoản vay có lãi, nay đồng ý thanh toán cho bà H 88.760.000 đồng (bút lục số 46, 51, 52)*. Do đó, có căn cứ khẳng định ông B nợ bà H là tiền vay nên buộc ông B có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc tiền vay cho bà H là 88.760.000 đồng là có cơ sở.

[4] Về lãi suất, bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, ông B không đồng ý. Thấy rằng, việc chậm trả tiền của ông B làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà H nên việc xem xét buộc ông B trả lãi suất cho bà H là có căn cứ và phù hợp với biên bản vay nợ có thể hiện ý chí đôi bên về lãi suất. Tuy nhiên, theo giấy nợ đôi bên thỏa thuận lãi 1,2%/tháng, trả lãi trễ 04 ngày phạt thêm 0,5%/tháng nghĩa là 1,7%/tháng x 12 tháng = 20,4%/năm. Như vậy, lãi suất thỏa thuận cao so với quy định của pháp luật. Tại đơn khởi kiện của bà H, cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền nguyên đơn yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định trường hợp có thỏa thuận về lãi nhưng không vượt 20%/năm nghĩa là 1,66%/tháng, như vậy lãi suất được tính như sau:

Lãi tính từ thời điểm lập biên bản vay nợ ngày 26/7/2015 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 34 tháng (tính tròn) x 20%/năm x 88.760.000 đồng = 50.096.000 đồng (lấy tròn số), ông B có trả lãi 2.500.000 đồng nên được trừ lại, lãi còn lại 47.596.000 đồng.

Tổng gốc lãi là 136.356.000 đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông B chậm thanh toán tiền thì ông B còn phải trả lãi trên số nợ gốc 88.760.000 đồng, mức lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Ông B cho rằng do phía anh KL con bà H giao thức ăn tôm không đạt chất lượng, từ đó bán không thu được tiền nên không có tiền trả cho phía gia đình anh KL. Việc mua thức ăn không đạt chất lượng ông B có điện thoại báo chứ không có đem trả hàng hay mời cơ quan có thẩm quyền lập biên bản. Xét thấy, việc mua bán nếu giao hàng không đạt chất lượng thì có quyền trả lại hàng, nhưng phía ông B không có chứng cứ chứng minh là hàng kém chất lượng và trả lại hàng. Ông B nêu tên một số người nợ và ông cho rằng nợ tiền mua bán thức ăn, trường hợp mua bán giữa ông và những người đó nếu xảy ra và có tranh chấp về tiền mua bán thì ông có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí, do yêu cầu bà H được chấp nhận toàn bộ nên phía ông B phải chịu án phí có giá ngạch là 136.356.000 đồng x 5% = 6.817.800 đồng.

Bà H không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H về việc kiện đòi thanh toán tiền trong hợp đồng vay tài sản đối với ông Mã Tấn B.

Buộc ông Mã Tấn B có nghĩa vụ thanh toán cho bà H tiền vay gốc và lãi là 136.356.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc 88.760.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 26/7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 47.596.000 đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông B chậm trả tiền còn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc chậm trả, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% ông B phải chịu là 6.817.800 đồng.

Bà H không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 2.219.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015683 ngày 20 tháng 11 năm 2017 được nhận lại toàn bộ.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính